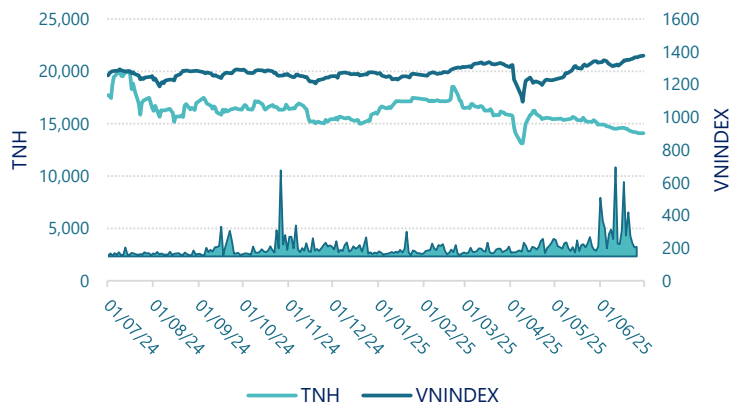




CTCP Tập đoàn Bệnh viện TNH (HSX: TNH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	16,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,098
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,130
SL cổ phiếu LH	144,133,270
KLGD BQ 20 phiên (CP)	224,355
% sở hữu nước ngoài	47.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,335
P/E	-40.0
EPS	-405

DT thuần

Q2/25

123

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 29.6 | 31.5%

YoY: ▼ 7.00 | -5.5%

LN sau thuế

Q2/25

-19.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 15.5 | 44.6%

YoY: ▼ 57.8 | -150%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

-6.5%

+/- YoY: ▼ 41.4%

DT thuần

6T 2025

216

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 6.00 | -2.8%

LN sau thuế

6T 2025

-54.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 108 | -201%

ROE

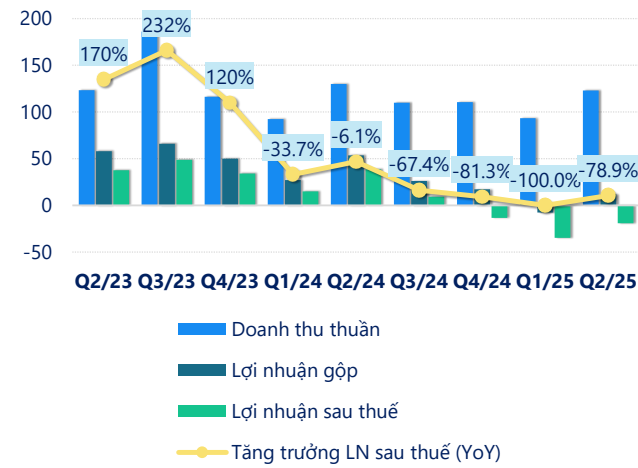
Q2/25

-3.3%

+/- YoY: ▼ 11.8%

tỷ VNĐ

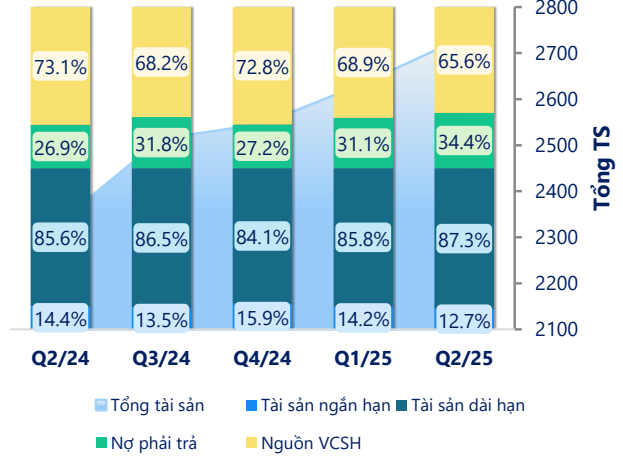
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

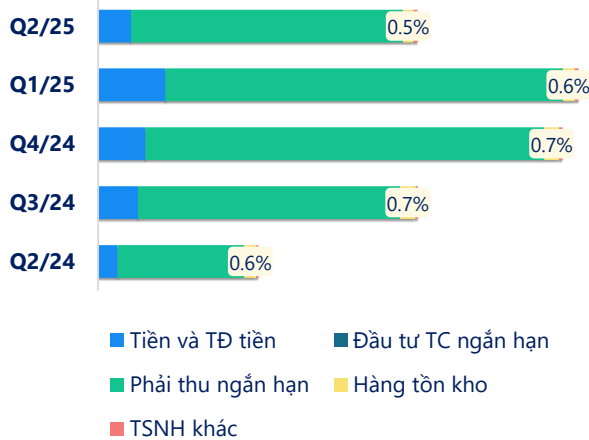
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



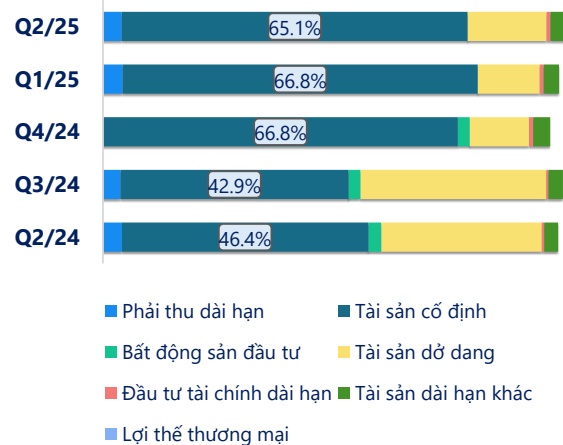
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

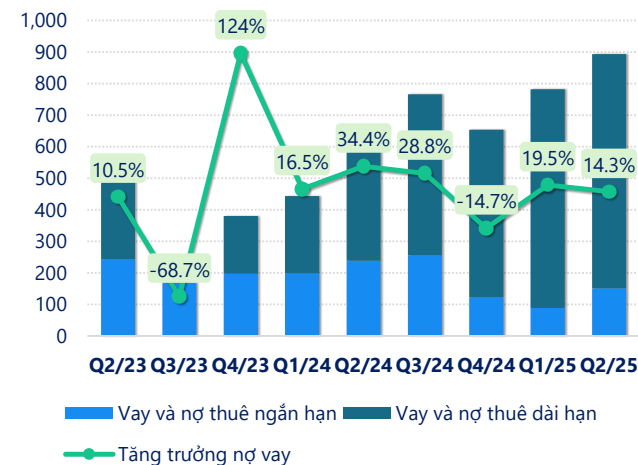
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

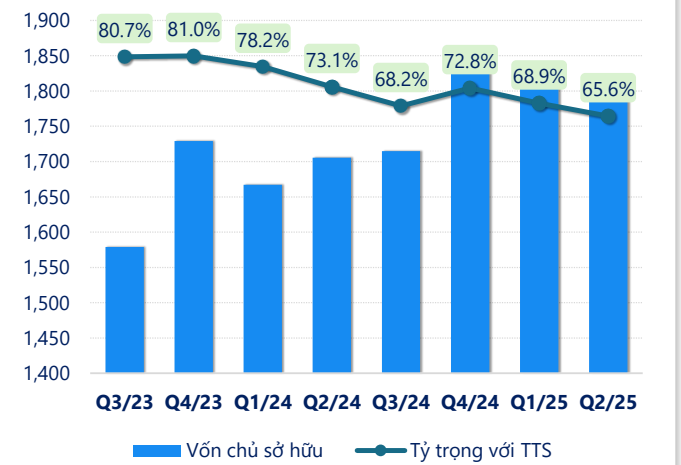
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

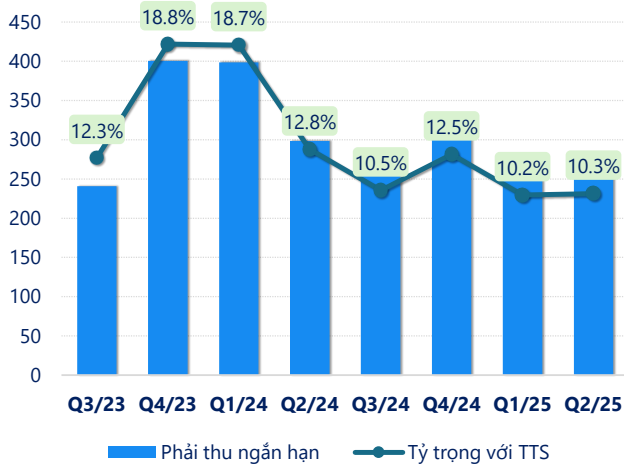
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



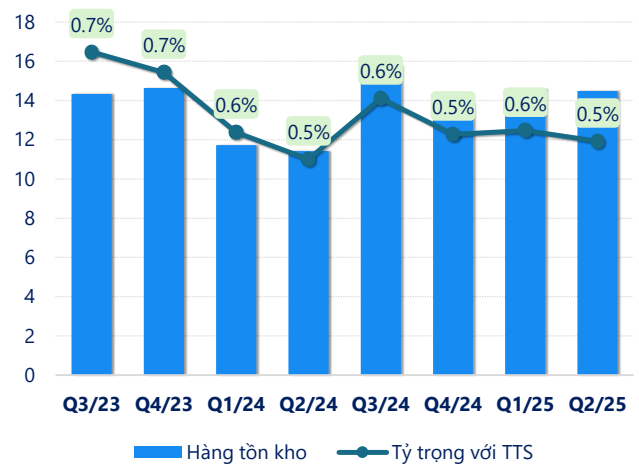
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


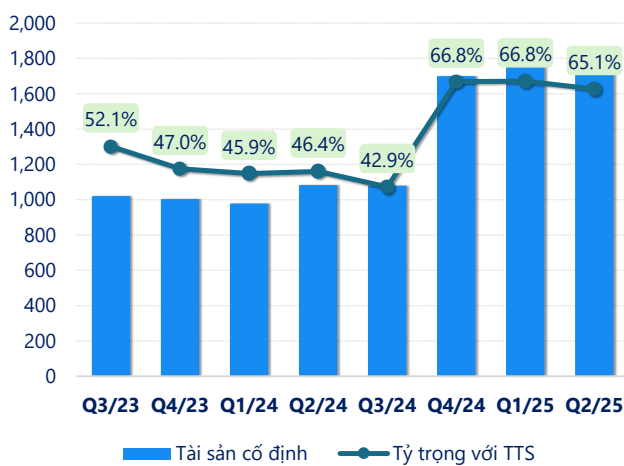
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


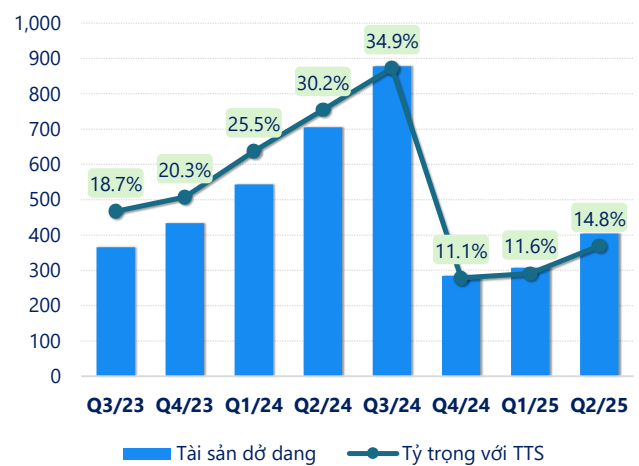
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

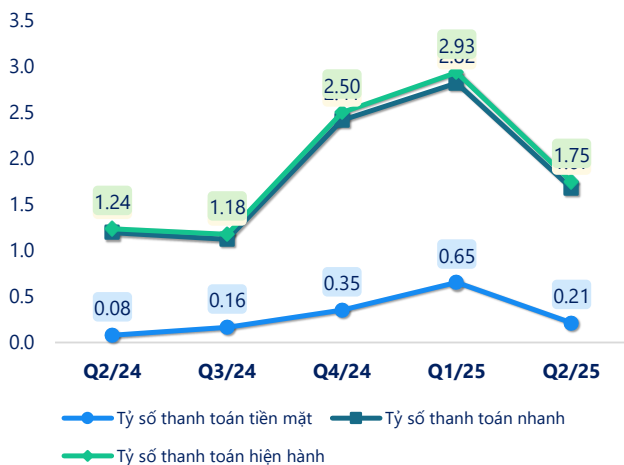
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

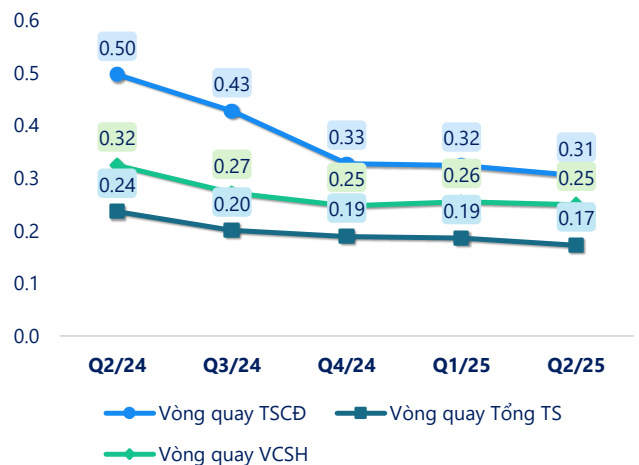
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	2,334	2,514	2,546	2,634	2,735
Tài sản ngắn hạn	336	339	405	374	346
Tiền và tương đương tiền	21.5	47.3	56.8	83.3	42.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	299	263	319	269	281
Hàng tồn kho	11.4	15.8	13.9	14.6	14.5
Tài sản ngắn hạn khác	4.43	12.6	15.5	7.82	7.92
Tài sản dài hạn	1,999	2,175	2,142	2,260	2,389
Phải thu dài hạn	82.5	82.5	0	96.0	96.0
Tài sản cố định	1,083	1,079	1,700	1,761	1,781
Bất động sản đầu tư	56.3	56.1	56.0	0	0
Tài sản dở dang	705	878	284	307	404
Đầu tư tài chính dài hạn	10.0	10.0	20.0	20.0	20.0
Tài sản dài hạn khác	62.0	69.7	81.9	76.3	87.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	629	799	693	820	941
Nợ ngắn hạn	272	288	162	128	198
Vay và nợ thuê ngắn hạn	238	255	122	88.9	151
Phải trả người bán ngắn hạn	18.6	18.2	23.5	20.4	26.1
Nợ dài hạn	357	511	531	693	743
Vay và nợ thuê dài hạn	357	511	531	693	743
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,705	1,715	1,853	1,814	1,794
Vốn chủ sở hữu	1,705	1,715	1,853	1,814	1,794
Vốn điều lệ	1,102	1,102	1,442	1,442	1,442
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)